

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021

Hà Nội, tháng 8 năm 2021

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng,
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 47

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng,
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lương Đình Thành	Ủy viên - Phụ trách Hội đồng Quản trị
Ông Nghiêm Quang Huy	Ủy viên
Ông Phạm Văn Khánh	Ủy viên
Ông Trần Hải Bằng	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021)
Ông Chu Thanh Hải	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phan Từ Giang	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 06 tháng 8 năm 2021)
Ông Lương Đình Thành	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 06 tháng 8 năm 2021)
Ông Nguyễn Trung Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Đồng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Sơn Trường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2021)
Ông Chu Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Chí Cường	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2021)

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lương Đình Thành - Ủy viên Hội đồng Quản trị - Phụ trách Hội đồng Quản trị.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ông Lương Đình Thành - Ủy viên Hội đồng Quản trị - Phụ trách Hội đồng Quản trị là người đại diện theo pháp luật, đã ủy quyền cho Ông Chu Thanh Hải - Phó Tổng Giám đốc phê duyệt và ký báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 theo Giấy Ủy quyền số 1222/UQ-XLTK ngày 02 tháng 8 năm 2021.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Chu Thanh Hải
Phó Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2021

Số: 375 /VACO/BCSX.NV2

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") được lập ngày 27 tháng 8 năm 2021, từ trang 5 đến trang 47, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (gọi chung là "báo cáo tài chính giữa niên độ").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo. Tuy nhiên, do các vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận

- Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, lỗ lũy kế của Tổng Công ty là khoảng 3.748,3 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: khoảng 3.712,2 tỷ VND), nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn khoảng 750,9 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: khoảng 727 tỷ VND). Tổng Công ty đang thiếu hụt vốn lưu động để thanh toán các khoản nợ đến hạn. Các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 chủ yếu bao gồm số dư gốc vay khoảng 604,6 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: khoảng 690,4 tỷ VND). Các yếu tố này dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng Công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, tái cơ cấu các khoản đầu tư, hoàn thành và quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ nợ. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về các kế hoạch hoạt động này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được lập với giả định Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục có phù hợp hay không.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 8 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Tổng Công ty có số dư khoản phải thu cho Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh vay để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh của Khách sạn Lam Kinh với số tiền là 200 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 200 tỷ VND) và số dư dự phòng đã trích lập cho khoản phải thu này là khoảng 124,4 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 124,4 tỷ VND). Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị có thể thu hồi của khoản phải thu này tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 11 và Thuyết minh số 15 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, số dư chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1 có giá gốc lần lượt là khoảng 245,1 tỷ VND và 25,8 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: khoảng 245,1 tỷ VND và 25,8 tỷ VND). Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Tổng Công ty đang làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để: (1) xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và; (2) nghiệm thu, quyết toán chi phí của Tổng Công ty thực hiện tại dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của các chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang nêu trên tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

CHỖ CHỮ KÝ
2
10/2021

BÁO CÁO SOÁT XÉT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận (Tiếp theo)

4. Như trình bày tại Thuyết minh số 15 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 bao gồm các dự án đã tạm dừng thi công từ các năm trước là (1) Dự án Khu đô thị Đại học Dầu khí và (2) Dự án Khu công nghiệp Dầu khí Tiền Giang với tổng số tiền là khoảng 5,7 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: khoảng 5,7 tỷ VND). Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai của các dự án này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
5. Như trình bày tại Thuyết minh số 19 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Tổng Công ty có (1) khoản đầu tư vào một số công ty con và công ty liên kết là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình, Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung và Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An với tổng giá trị ghi sổ và giá trị dự phòng cho các khoản đầu tư này lần lượt là khoảng 1.065 tỷ VND và 510 tỷ VND; (2) khoản đầu tư vào các công ty liên kết còn lại và các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (không bao gồm Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long) với tổng giá trị ghi sổ và tổng giá trị dự phòng của các khoản đầu tư lần lượt là khoảng 577 tỷ VND và 512 tỷ VND. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này cũng như không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng cần phải trích lập tại ngày 30 tháng 6 năm 2021. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Từ chối đưa ra kết luận

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Do đó, chúng tôi không đưa ra kết luận nào về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

- Như trình bày tại Thuyết minh số 1 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020, các số liệu này chưa được soát xét bởi một Công ty kiểm toán độc lập.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 35 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Tổng Công ty có một số khoản công nợ tiềm tàng và chưa có kết quả cuối cùng về các nghĩa vụ liên quan của Tổng Công ty.

Việc từ chối đưa ra kết luận của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



Lê Xuân Thắng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0043-2016-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.611.761.551.763	3.791.777.541.801
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	37.528.249.298	129.379.797.745
1. Tiền	111		37.528.249.298	77.079.797.745
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	52.300.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	715.000.000	715.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		14.600.000.000	14.600.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(13.885.000.000)	(13.885.000.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.166.403.015.581	1.890.509.855.707
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.844.455.534.597	1.616.956.861.780
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	621.411.537.949	606.878.143.116
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	372.860.832.610	375.924.956.451
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	294.291.089.455	274.204.630.001
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(967.340.967.056)	(984.179.723.667)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		724.988.026	724.988.026
IV. Hàng tồn kho	140	11	1.318.964.518.885	1.683.712.148.211
1. Hàng tồn kho	141		1.340.868.955.613	1.705.616.584.939
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(21.904.436.728)	(21.904.436.728)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		88.150.767.999	87.460.740.138
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	249.290.403	219.639.521
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		64.398.900.389	65.908.235.150
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	22	23.502.577.207	21.332.865.467

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.206.818.867.567	1.219.817.680.819
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10.102.824.398	10.102.824.398
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	10.102.824.398	10.102.824.398
II. Tài sản cố định	220		7.918.992.211	8.979.943.707
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	7.754.352.211	8.780.023.707
- Nguyên giá	222		82.446.480.974	82.446.480.974
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(74.692.128.763)	(73.666.457.267)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	164.640.000	199.920.000
- Nguyên giá	228		5.005.180.340	5.005.180.340
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.840.540.340)	(4.805.260.340)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	15	168.299.024.436	168.299.024.436
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		24.471.433.315	24.471.433.315
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		143.827.591.121	143.827.591.121
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.009.810.667.964	1.021.660.561.457
1. Đầu tư vào công ty con	251	16	1.384.909.968.398	1.752.412.574.396
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	17	1.102.952.073.053	735.449.467.055
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	18	191.595.000.000	191.595.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	19	(1.669.646.373.487)	(1.657.796.479.994)
V. Tài sản dài hạn khác	260		10.687.358.558	10.775.326.821
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	10.687.358.558	10.775.326.821
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		4.818.580.419.330	5.011.595.222.620

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		4.489.414.218.001	4.646.320.430.494
I. Nợ ngắn hạn	310		4.362.620.629.705	4.518.802.921.422
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	2.724.633.665.332	2.758.769.254.840
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	21	172.190.189.363	140.270.770.149
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	22	34.158.795.509	1.629.162.203
4. Phải trả người lao động	314		25.683.599.887	24.258.699.417
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	23	330.427.142.513	361.463.387.688
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.447.841.545	1.447.841.545
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	24	377.057.473.738	367.176.404.628
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	25	704.303.132.891	871.068.612.025
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(7.281.211.073)	(7.281.211.073)
II. Nợ dài hạn	330		126.793.588.296	127.517.509.072
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	23	71.064.369.884	71.064.369.884
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		55.699.697.477	56.423.618.253
3. Phải trả dài hạn khác	337	24	29.520.935	29.520.935
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		329.166.201.329	365.274.792.126
I. Vốn chủ sở hữu	410	26	329.166.201.329	365.274.792.126
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(29.710.000)	(29.710.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		76.986.992.734	76.986.992.734
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		500.000.000	500.000.000
5. Lợi nhuận, lỗ sau thuế chưa phân phối	421		(3.748.291.081.405)	(3.712.182.490.608)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(3.712.182.490.608)	(3.559.903.183.485)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(36.108.590.797)	(152.279.307.123)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		4.818.580.419.330	5.011.595.222.620




Vũ Thị Châm
 Người lập biểu



Nguyễn Đức Tuấn
 Kế toán trưởng




Chu Thanh Hải
 Phó Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2021

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		412.963.119.389	159.567.945.306
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	28	412.963.119.389	159.567.945.306
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	29	417.595.290.135	157.384.588.882
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		(4.632.170.746)	2.183.356.424
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	115.938.317	2.701.262.521
7. Chi phí tài chính	22	31	24.086.010.319	29.585.354.515
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.076.260.007	10.062.931.276
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	8.208.565.197	29.230.360.330
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(36.810.807.945)	(53.931.095.900)
11. Thu nhập khác	31		1.167.002.043	6.269.775.001
12. Chi phí khác	32		464.784.895	518.147.153
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		702.217.148	5.751.627.848
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(36.108.590.797)	(48.179.468.052)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(36.108.590.797)	(48.179.468.052)

Y
IN
HÀ NỘI

Vũ Thị Châm
Người lập biểu

Nguyễn Đức Tuấn
Kê toán trưởng



Chu Thanh Hải
Phó Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2021

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(36.108.590.797)	(48.179.468.052)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1.060.951.496	2.616.429.546
- Các khoản dự phòng	03	(4.988.863.118)	(173.413.955.927)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(18.488.975)	751.820.650
- (Lãi)/ Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(26.826.200)	185.205.991.750
- Chi phí lãi vay	06	9.076.260.007	10.062.931.276
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(31.005.557.587)	(22.956.250.757)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(271.328.223.318)	46.072.947.439
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	364.747.629.326	(59.174.631.722)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	9.889.897.710	(36.996.807.403)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	58.317.381	1.915.060.512
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	136.068.065.000
- Tiền lãi vay đã trả	14	(6.675.596.937)	(7.206.575.244)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	1.166.800.000	5.141.700.540
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.033.411.010)	(4.994.374.297)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	65.819.855.565	57.869.134.068
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(20.000.000.000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.692.944.574	63.550.729.626
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	7.326.979.513	15.039.640.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	71.686.474	1.408.576.598
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	9.091.610.561	59.998.946.224

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	53.452.754.738	34.515.336.117
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(220.218.233.872)	(74.390.260.411)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(166.765.479.134)</i>	<i>(39.874.924.294)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(91.854.013.008)	77.993.155.998
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	129.379.797.745	137.755.310.180
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	2.464.561	(235.044.928)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	37.528.249.298	215.513.421.250

Vũ Thị Châm
Người lập biểu

Nguyễn Đức Tuấn
Kế toán trưởng



Chu Thanh Hải
Phó Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2021

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”), thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí, được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí theo Quyết định số 532/QĐ-TCCB ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4903000232 ngày 13 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Tại Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN ngày 26 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã thông qua đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103021423 ngày 20 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Ngày 19 tháng 8 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chính thức chấp thuận cho Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là PVX.

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 19 ngày 06 tháng 11 năm 2020, tổng vốn điều lệ của Tổng Công ty là 4.000.000.000.000 VND, được chia thành 400.000.000 cổ phần, trong đó vốn Nhà nước do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ là 2.178.733.330.000 VND, chiếm 54,47%, còn lại là các cổ đông khác.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 248 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 265).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Gia công chế tạo, lắp đặt các chân đế giàn khoan và các kết cấu kim loại khác; thiết kế, chế tạo các bồn chứa xăng dầu, khí hóa lỏng, chứa nước, bồn chịu áp lực và hệ thống ống công nghệ; sản xuất các sản phẩm cơ khí, chống ăn mòn kim loại, bảo dưỡng và sửa chữa các chân đế giàn khoan, tàu thuyền và các phương tiện nội; gia công ren ống, sản xuất khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực khoan, khai thác dầu khí, công nghiệp.
- Kinh doanh vật tư thiết bị xây dựng dầu khí; khảo sát, thiết kế, tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp vừa và nhỏ; đầu tư, xây dựng các dự án hạ tầng, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp; kinh doanh nhà ở và các cơ sở hạ tầng kỹ thuật; san lấp mặt bằng; xây dựng các công trình thủy lợi, đê kè bên cảng.
- Lắp đặt hệ thống máy móc thiết bị công nghệ, thiết bị điều khiển, tự động hóa trong các nhà máy công nghiệp; lắp đặt các hệ thống đường dây tải điện đến 35KV, các hệ thống điện dân dụng và công nghiệp khác.
- Khoan phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; khảo sát, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài biển và trên đất liền), các công trình dân dụng và công nghiệp; sản xuất và kinh doanh bê tông thương phẩm; đầu tư xây dựng, khai thác và quản lý chợ.
- Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng các khu công nghiệp, cơ sở hạ tầng giao thông, xây dựng đô thị, văn phòng, nhà ở, xây dựng các dự án hạ tầng, các công trình thủy lợi, đê kè, cảng sông, cảng biển, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp, kinh doanh đô thị và văn phòng, siêu thị và nhà ở.
- Đầu tư xây dựng, các nhà máy chế tạo cơ khí thiết bị phục vụ ngành dầu khí; các nhà máy đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất, nhà máy đóng giàn khoan; các nhà máy xi măng và sản xuất vật liệu xây dựng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Đầu tư công nghệ cao trong lĩnh vực xây dựng nhà cao tầng; lắp đặt, duy tu bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài khơi và trên biển), các chân đế khoan, các kết cấu kim loại, các bồn bể chứa (xăng dầu, khí hoá lỏng, nước), bình chịu áp lực và hệ thống công nghệ, các công trình dân dụng và công nghiệp; tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dầu khí, công trình dân dụng và công nghiệp.
- Đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất; đóng giàn khoan đất liền, ngoài biển; chế tạo cơ khí phục vụ ngành dầu khí, đóng tàu và kinh doanh cảng sông, cảng biển; chế tạo và cung cấp các loại ống chống cần khoan, ống nối, khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực dầu khí, công nghiệp; thi công xây dựng các công trình dầu khí (trên bờ, ngoài biển) các công trình công nghiệp và dân dụng, cảng sông, cảng biển; thi công các công trình giao thông, thủy lợi; sản xuất các sản phẩm công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí...); sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí, các vật liệu xây dựng, khoan, phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí); vận chuyển dầu và khí hoá lỏng, hoá chất; kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị xây dựng dầu khí; thương mại và dịch vụ tổng hợp.
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật thí nghiệm và mẫu cơ, lý, hóa, vật liệu xây dựng; kinh doanh lắp đặt các thiết bị phòng cháy chữa cháy; đầu tư xây dựng và kinh doanh các công trình hầm đường bộ.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng ngoại trừ một số công trình đặc thù của hoạt động xây lắp có thời gian trên 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty mẹ - Tổng Công ty gồm Văn phòng Tổng Công ty và 06 đơn vị phụ thuộc sau:

- Ban điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2;
- Ban điều hành dự án Vũng Áng - Quảng Trạch;
- Ban điều hành các dự án PVC phía Nam;
- Ban điều hành dự án Nhà máy xơ sợi tổng hợp Polyester;
- Ban điều hành dự án Nhà máy Ethanol Phú Thọ; và
- Chi nhánh Xây lắp công trình Dầu khí phía Bắc.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Tổng Công ty có 07 công ty con như trình bày tại Thuyết minh số 16 và 12 công ty liên kết như trình bày tại Thuyết minh số 17.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020, các số liệu này chưa được soát xét bởi một Công ty kiểm toán độc lập.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Giả định hoạt động liên tục

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, lỗ lũy kế của Tổng Công ty là khoảng 3.748,3 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: khoảng 3.712,1 tỷ VND) và nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn khoảng 750,9 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: khoảng 727 tỷ VND). Tổng Công ty đang thiếu hụt vốn lưu động để thanh toán các khoản nợ đến hạn. Các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 chủ yếu bao gồm số dư gốc vay là khoảng 604,6 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: khoảng 690,4 tỷ VND). Khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, tái cơ cấu các khoản đầu tư, hoàn thành và quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ nợ. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đang thực hiện các kế hoạch để đảm bảo khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng Công ty.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty trên cơ sở giả định hoạt động liên tục. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ kết quả của sự kiện trên.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trên cơ sở dự thu.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.